CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Hà Nội – Tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

Nội dung	**Trang**
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Đông Âu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Lee SangSeok	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Cho Chang Huyn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)

Ban Điều hành

Ông Bạch Dương	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo báo cáo tài chính riêng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng . Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Khánh Trình

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
CHI NHÁNH MIỀN BẮC
Phòng 902, Tầng 9, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
+84 (24) 7 306 1268 mienbac@cpavietnam.vn
+84 (24) 7 306 1269 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 05/2024/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty cổ phần Clever Group

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group, được lập ngày 28/03/2024 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ định ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 31/12/2023 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong năm, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi ngày 22/05/2023 và tài sản đảm bảo của lô trái phiếu này đang bị phong tỏa để điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.

M.S.C.N-0101917917-002 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM CHI NHÁNH MIỀN BẮC THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Liên	**Nguyễn Quỳnh Trang**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**213.870.583.027**	**180.697.875.974**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**13.113.623.113**	**17.152.870.544**
1. Tiền	111		13.113.623.113	9.352.870.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	5.2	**137.790.000.000**	**56.897.949.515**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		137.790.000.000	56.897.949.515
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**61.182.182.259**	**105.657.843.537**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	51.244.145.381	57.468.072.751
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.033.080.804	726.655.281
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.000.000.000	3.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	7.262.585.745	44.820.745.176
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357.629.671)	(357.629.671)
IV. Hàng tồn kho	**140**	5.8	**1.741.593.022**	**923.718.045**
1. Hàng tồn kho	141		1.741.593.022	923.718.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**43.184.633**	**65.494.333**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	43.184.633	65.494.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**176.514.366.628**	**182.167.729.516**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5.010.000.000**	**40.010.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	5.010.000.000	40.010.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**8.117.557.051**	**10.002.628.807**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	4.832.173.610	6.169.681.454
- Nguyên giá	*222*		*14.149.791.182*	*14.149.791.182*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		*(9.317.617.572)*	*(7.980.109.728)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.285.383.441	3.832.947.353
- Nguyên giá	*228*		*4.380.511.265*	*4.380.511.265*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*229*		*(1.095.127.824)*	*(547.563.912)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	5.13	**43.883.603.675**	**4.917.774.635**
- Nguyên giá	*231*		*43.883.603.675*	*4.917.774.635*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*232*		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**40.216.000**	**1.639.396.885**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	40.216.000	1.639.396.885
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5.2	**119.274.683.889**	**125.397.176.893**
1. Đầu tư vào công ty con	251		49.676.039.000	49.676.039.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.219.693.080	4.219.693.080
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(14.121.089.769)	(14.085.760.956)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		79.500.041.578	85.587.205.769
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**188.306.013**	**200.752.296**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	188.306.013	200.752.296
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**390.384.949.655**	**362.865.605.490**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**83.898.742.329**	**74.927.569.179**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**83.898.742.329**	**74.927.569.179**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	21.615.499.320	31.668.367.236
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	6.278.312.139	4.459.786.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	9.698.304.573	11.894.926.556
4. Phải trả người lao động	314		1.678.435.481	1.612.614.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	868.171.942	21.122.249
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	838.093.857	752.432.488
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	42.921.925.017	24.518.320.389
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**306.486.207.326**	**287.938.036.311**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.20	**306.486.207.326**	**287.938.036.311**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*213.805.210.000*	*213.805.210.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.646.057.326	74.097.886.311
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*74.097.886.311*	*38.694.017.147*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*18.548.171.015*	*35.403.869.164*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**390.384.949.655**	**362.865.605.490**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGUYỄN THỊ NGA	NGUYỄN THỊ NGA	ĐOÀN NỮ ĐỨC HIỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	326.187.999.832	459.223.370.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**326.187.999.832**	**459.223.370.910**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	280.595.483.051	395.061.560.150
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**45.592.516.781**	**64.161.810.760**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	14.704.436.486	21.706.109.882
7. Chi phí tài chính	22	6.5	4.123.950.066	12.214.803.864
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.690.094.796*	*9.144.612.170*
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	17.022.716.514	14.212.744.695
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.376.820.725	13.133.288.284
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**23.773.465.962**	**46.307.083.799**
11. Thu nhập khác	31	6.7	214.716.526	10.461.887
12. Chi phí khác	32	6.7	1.145.583.237	1.809.715.145
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(930.866.711)**	**(1.799.253.258)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**22.842.599.251**	**44.507.830.541**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.294.428.236	9.103.961.377
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**18.548.171.015**	**35.403.869.164**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGUYỄN THỊ NGA	NGUYỄN THỊ NGA	ĐOÀN NỮ ĐỨC HIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**22.842.599.251**	**44.507.830.541**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.885.071.756	1.966.704.212
- Các khoản dự phòng	03	35.328.813	2.684.777.408
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(21.301.576)	(189.516.227)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.511.678.326)	(20.750.191.573)
- Chi phí lãi vay	06	3.690.094.796	9.144.612.170
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**13.920.114.714**	**37.364.216.531**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	43.949.015.336	17.933.684.494
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(817.874.977)	4.232.618.804
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(16.773.546.059)	(35.333.928.042)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	34.755.983	788.065.531
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.663.150.596)	(9.123.489.921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.150.922.347)	(8.757.546.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**30.498.392.054**	**7.103.621.196**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(28.106.045.040)	(6.319.722.885)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	2.287.272.727
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(244.358.571.492)	(573.027.528.032)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	170.553.685.198	630.159.935.374
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.875.000.000)
6.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.038.324.268	19.424.103.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(87.872.607.066)**	**63.649.060.956**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ đi vay	33	247.295.032.023	419.915.533.104
2.Tiền trả nợ gốc vay	34	(193.891.427.395)	(478.741.320.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**53.403.604.628**	**(58.825.787.762)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**	**(3.970.610.385)**	**11.926.894.390**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**17.152.870.544**	**5.179.336.811**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(68.637.047)	46.639.343
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**13.113.623.113**	**17.152.870.544**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGUYỄN THỊ NGA	NGUYỄN THỊ NGA	ĐOÀN NỮ ĐỨC HIỀN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 171 người; cán bộ quản lý là 06 người (Tại ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ nhân viên là 189 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	Công ty con		(%)	(%)	
1.	Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2.	Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3.	Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4.	Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	Công ty con		(%)	(%)	
5.	Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6.	Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7.	Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, cổng thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8.	Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9.	Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10.	Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11.	Công ty CLEVERADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
	Công ty liên kết				
1.	Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2.	Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3.	Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Việt Nam	39	39	Xuất bản phần mềm
4.	Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Việt Nam	48,8	48,8	Quảng cáo
5.	Công ty CP TECHCEN (i)	Việt Nam	29,3	29,3	Lập trình máy vi tính

(i) *Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp và Công ty CP TECHCEN đã có quyết định giải thể từ ngày 25/08/2023.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2023 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính của Văn phòng Hà Nội. Các giao dịch nội bộ và số dư giữa Văn phòng Hà Nội với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy không bao gồm Báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng .

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	*Thời gian khấu hao*
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 đến 36 tháng.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm cước phí internet và thuê dịch vụ máy chủ được phân bổ trong thời gian 12 tháng và 15 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả cuối kỳ là các khoản lãi vay và chi phí thuê văn phòng phải trả, chi phí trích trước của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.704.798.735	1.294.927.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.408.824.378	8.057.942.567
Các khoản tương đương tiền (*)	-	7.800.000.000
Tổng	**13.113.623.113**	**17.152.870.544**

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất là 6%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**137.790.000.000**	**137.790.000.000**	**56.897.949.515**	**56.897.949.515**
- Tiền gửi có kỳ hạn	137.790.000.000	137.790.000.000	32.385.207.597	32.385.207.597
- Trái phiếu (i)	-	-	24.512.741.918	24.512.741.918
Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)	-	-	*24.512.741.918*	*24.512.741.918*
Dài hạn	**79.500.041.578**	**79.500.041.578**	**85.587.205.769**	**85.587.205.769**
- Trái phiếu (i)	79.500.041.578	79.500.041.578	85.587.205.769	85.587.205.769
Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)	*24.512.740.578*	*24.512.740.578*	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐăkPsi	-	-	*30.599.904.399*	*30.599.904.399*
Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (3)	*4.987.301.000*	*4.987.301.000*	*4.987.301.370*	*4.987.301.370*
Tổng	**217.290.041.578**	**217.290.041.578**	**142.485.155.284**	**142.485.155.284**

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 8% - 11,123%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu SGL ngày 05/02/2024, các lô trái phiếu từ SGL-2020.01 đến SGL-2020.03 có ngày đáo hạn là tháng 6/2023 sẽ gia hạn đến tháng 06/2025, lô trái phiếu SGL-2020.04 và SGL-2020.05 có ngày đáo hạn là tháng 7/2023 sẽ gia hạn đến tháng 07/2025; 05 lô trái phiếu còn lại từ SGL-2020.06 đến SGL-2020.10 có ngày đáo hạn là tháng 8/2025 sẽ gia hạn đến tháng 11/2026. Trong thời gian gia hạn, các lô trái phiếu áp dụng lãi suất 8%/năm; kỳ hạn tính lãi đổi thành 12 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m2 đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn.

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mỏ sắt Ba Hòn - Làng Lếch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai, toàn bộ máy móc thiết bị theo bảng kê chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần vốn góp của ông Vũ Quang Bảo trong Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO có giá trị 200.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

Công ty con/Công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
Các công ty con	
1. Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
2. Công ty CP Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty CP Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lãi
4. Công ty CP Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
5. Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Hoạt động kinh doanh có lãi
6. Công ty CP Trực tuyến CleverX	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
7. Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
8. Công ty CP CMetric	Hoạt động kinh doanh có lãi
9. Công ty cổ phần AGLOBAL	Hoạt động kinh doanh có lãi
10. Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Hoạt động kinh doanh có lãi
11. Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Chưa hoạt động
Các công ty liên kết	
12. Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
13. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			**49.676.039.000**		**(13.685.850.072)**	**49.676.039.000**		**(13.651.160.954)**
- Công ty PT CleverAds	95%	95%	3.351.315.000		(3.351.315.000)	3.351.315.000		(3.351.315.000)
- Công ty CP Review Thông minh	70%	70%	12.950.000.000		-	12.950.000.000		-
- Công ty CP Orion Media	77%	77%	8.316.000.000		(7.389.846.788)	8.316.000.000		(7.419.062.581)
- Công ty CP Truyền thông NAH	72%	72%	740.564.000		-	740.564.000		-
- Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	60%	60%	600.000.000		-	600.000.000		-
- Công ty CP Trực tuyến CleverX	75%	75%	2.250.000.000		(744.093.867)	2.250.000.000		(741.372.947)
- Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	97,5%	97,5%	11.000.000.000		(490.758.368)	11.000.000.000		-
- Công ty cổ phần CMETRIC	88,33%	88,33%	7.125.000.000		(1.709.836.049)	7.125.000.000		(1.903.613.124)
- Công ty cổ phần AGLOBAL	85%	85%	425.000.000		-	425.000.000		(235.797.302)
- Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	55%	55%	2.918.160.000		-	2.918.160.000		-
Đầu tư vào công ty liên kết			**4.219.693.080**		**(435.239.697)**	**4.219.693.080**		**(434.600.002)**
- Công ty CP Mạng Quảng cáo Thông minh	40%	40%	1.756.000.000		(286.104.415)	1.756.000.000		(285.464.720)
- Công ty TNHH ADOP Vietnam	40%	40%	2.463.693.080		(149.135.282)	2.463.693.080		(149.135.282)
Tổng			**53.895.732.080**		**(14.121.089.769)**	**53.895.732.080**		**(14.085.760.956)**

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
CleverAds Philippines Corporation	2.840.814.626	2.840.814.626
Công ty cổ phần TIKI	3.637.513.934	14.381.692.147
Tổng công ty hàng không Việt Nam	7.986.987.180	9.638.558.686
Công ty TNHH Truyền thông số vàng	667.915.040	1.082.868.979
Công ty TNHH PP THACO AUTO	708.300.000	1.735.020.000
Công ty TNHH Nha khoa KIM	1.879.818.221	2.286.257.318
Công ty PT CleverAds	6.560.523.711	3.108.440.488
Công ty cổ phần NOVAREAL	4.231.869.649	3.532.153.382
Công ty TNHH Giải trí viễn thông	1.323.021.166	-
Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư y tế Quốc tế	1.320.000.000	836.000.000
Công ty CP Đầu tư VAM	1.061.291.218	140.654.296
Công ty TNHH AEONMALL HIMLAM	932.201.838	461.542.017
Công ty CP CMETRIC	468.903.154	656.464.416
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Thời Đại	427.997.657	765.816.228
Các khách hàng khác	17.196.987.987	16.001.790.168
Tổng	**51.244.145.381**	**57.468.072.751**
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)	**11.162.785.822**	**7.027.249.242**

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ông Đặng Trọng Toàn	-	360.000.000
Công ty TNHH TVTK PM Cánh Cam	-	280.000.000
Công ty CP Kiến trúc XD 88 Việt Nam	600.000.000	-
Công ty TNHH Kiến trúc XD Mộc Xanh	197.299.872	-
Công ty CP Quản lý và khai thác tòa nhà VNPT	72.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	163.780.932	86.655.281
Tổng	**1.033.080.804**	**726.655.281**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	**2.000.000.000**	**3.000.000.000**
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ KT điện và xúc tiến thương mại (i)	1.500.000.000	2.500.000.000
Tổng	**2.000.000.000**	**3.000.000.000**

(i): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn trong 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 10%/năm đến 11.5%/năm.

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	**7.262.585.745**	**44.820.745.176**
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	2.938.675.875	12.422.222.756
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.210.511.972	2.764.815.945
- Lãi dự thu trái phiếu	-	385.779.154
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	220.453.698	753.724.629
- Phải thu tạm ứng	-	6.300.000.000
- Phải thu khác	892.944.200	22.194.202.692
+ Phải thu ông Nguyễn Khánh Trình	-	*20.900.000.000*
+ Phải thu thuế GTGT nhà thầu tháng 12	*891.058.200*	*1.273.569.062*
+ Phải thu khác	*1.886.000*	*20.633.630*
Dài hạn	**5.010.000.000**	**40.010.000.000**
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	5.010.000.000	40.010.000.000
Tổng	**12.272.585.745**	**84.830.745.176**
Trong đó:		
Số dư các khoản phải thu khác với bên LQ	-	**27.200.000.000**
(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)		

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 31/12/2023 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 665.036.204 đồng.
- Các khoản bảo lãnh đảm bảo hợp đồng với số tiền là 1.273.639.671 đồng.

(ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại 31/12/2023 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6.725%/năm, kỳ hạn 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.7 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	49.745.079	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
Tổng	**357.629.671**	-	**357.629.671**	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Chi phí SXKD dở dang	1.741.593.022	-	923.718.045	-
Tổng	**1.741.593.022**	-	**923.718.045**	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Ngắn hạn	**43.184.633**	**65.494.333**
- Chi phí thuê văn phòng	40.454.333	40.454.333
- Công cụ dụng cụ phân bổ	2.730.300	-
- Chi phí trả trước khác	-	25.040.000
Dài hạn	**188.306.013**	**200.752.296**
- Công cụ dụng cụ phân bổ	171.549.851	200.752.296
- Chi phí trả trước dài hạn khác	16.756.162	-
Tổng	**231.490.646**	**266.246.629**

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	**40.216.000**	**1.639.396.885**
- Chi phí đầu tư phần mềm về CSDL	-	1.639.396.885
- Chi phí sửa chữa văn phòng	40.216.000	-
Tổng	**40.216.000**	**1.639.396.885**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa VKT	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tổng*
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	-	13.813.197.727	336.593.455	14.149.791.182
Tại ngày 31/12/2023	-	**13.813.197.727**	**336.593.455**	**14.149.791.182**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2023	-	7.643.516.273	336.593.455	7.980.109.728
Khấu hao trong năm	-	1.337.507.844	-	1.337.507.844
Tại ngày 31/12/2023	-	**8.981.024.117**	**336.593.455**	**9.317.617.572**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	-	6.169.681.454	-	6.169.681.454
Tại ngày 31/12/2023	-	**4.832.173.610**	-	**4.832.173.610**

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 7.066.917.909 VND (ngày 31/12/2022: 4.354.845.182 VND).

5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền SD đất	*Bằng phát minh sáng chế*	*Phần mềm*	*Tổng*
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	-	-	4.380.511.265	4.380.511.265
Tại ngày 31/12/2023	-	-	**4.380.511.265**	**4.380.511.265**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2023	-	-	547.563.912	547.563.912
Khấu hao trong năm	-	-	547.563.912	547.563.912
Tại ngày 31/12/2023	-	-	**1.095.127.824**	**1.095.127.824**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	-	-	3.832.947.353	3.832.947.353
Tại ngày 31/12/2023	-	-	**3.285.383.441**	**3.285.383.441**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ	**4.917.774.635**	**38.965.829.040**	-	**43.883.603.675**
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	4.917.774.635	38.965.829.040	-	43.883.603.675
TỔN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	**4.917.774.635**	**38.965.829.040**	-	**43.883.603.675**
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	4.917.774.635	38.965.829.040	-	43.883.603.675

(*): Ngày 30/06/2023, Công ty có mua biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Tiến Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trình - Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán biệt thự có chứng nhận của Văn phòng công chúng Thanh Xuân với giá thỏa thuận là 29.213.879.040 đồng. Việc mua bán nêu trên đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tại Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09.2023 ngày 30.06.2023 và biên bản số 12/2023 ngày 25/12/2023. Giá trị chuyển nhượng căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 231024/CTTĐG-CALIVA ngày 30/11/2023.

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sàn văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Tiến Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội và ô số 13 khu biệt thự 500 căn phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương mại TIKI	46.991.730	46.991.730	222.583.249	222.583.249
Meta Platforms Ireland Limited	14.350.590.907	14.350.590.907	13.223.103.935	13.223.103.935
Google Ireland Ltd	5.536.731.325	5.536.731.325	16.407.336.096	16.407.336.096
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biển Đông	35.478.000	35.478.000	206.528.400	206.528.400
Công ty cổ phần Forza	427.377.864	427.377.864	681.353.133	681.353.133
Công ty cổ phần Review Thông Minh	-	-	564.674.111	564.674.111
Công ty CP MARUP	473.440.000	473.440.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn khởi nghiệp quốc gia	112.320.000	112.320.000	-	-
Công ty TNHH Phát triển thương mại và dịch vụ Cao Minh	123.000.000	123.000.000	82.000.000	82.000.000
Công ty TNHH TR PRODUCTIONS	134.784.000	134.784.000	-	
Các nhà cung cấp khác	374.785.494	374.785.494	280.788.312	280.788.312
Tổng	**21.615.499.320**	**21.615.499.320**	**31.668.367.236**	**31.668.367.236**
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)		-		**564.674.111**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.15 Người mua trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	977.076.000	977.076.000	20.337.027	20.337.027
Công ty CP Chứng khoán PINETREE	9.261.000	9.261.000	486.233.796	486.233.796
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	120.231.738	120.231.738	149.019.466	149.019.466
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	127.431.547	127.431.547	538.054.851	538.054.851
Công ty CP TM và SX nội thất THEONE	43.200.000	43.200.000	351.000.000	351.000.000
Công ty TNHH GRAB	23.162.599	23.162.599	313.500.000	313.500.000
Công ty CP Bệnh viện mắt Ánh Sáng	388.800.000	388.800.000	-	-
Công ty N&VBridge Co., Ltd	326.960.000	326.960.000	-	-
Viện đào tạo quốc tế - Trường Đại học Thương mại	184.140.000	184.140.000	-	-
Công ty TNHH TCIE Việt Nam	204.822.000	204.822.000	-	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	262.287.999	262.287.999	65.955.458	65.955.458
Các khách hàng khác	3.610.939.256	3.610.939.256	2.535.685.493	2.535.685.493
Tổng	**6.278.312.139**	**6.278.312.139**	**4.459.786.091**	**4.459.786.091**
Trong đó:				
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)		**63.350.865**		-

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	4.585.755.809	19.791.181.065	(20.449.659.084)	3.927.277.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.150.922.347	4.294.428.236	(6.150.922.347)	3.294.428.236
Thuế thu nhập cá nhân	93.565.849	1.860.790.100	(1.215.320.893)	739.035.056
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	2.064.682.551	13.768.607.527	(14.095.726.587)	1.737.563.491
Tổng	**11.894.926.556**	**39.715.006.928**	**(41.911.628.911)**	**9.698.304.573**

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả	26.944.200	21.122.249
Chi phí thuê văn phòng	758.454.408	-
Chi phí thuê ngoài của các dự án	82.773.334	-
Tổng	**868.171.942**	**21.122.249**

5.18 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	335.546.126	335.546.126	427.046.988	427.046.988
Các khoản phải trả khác	427.854.496	427.854.496	325.385.500	325.385.500
+ Phải trả Lê Anh Quân	*325.385.500*	*325.385.500*	*325.385.500*	*325.385.500*
+ Phải trả Công ty Dược Bình Định	*102.468.996*	*102.468.996*	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược	74.693.235	74.693.235	-	-
Tổng	**838.093.857**	**838.093.857**	**752.432.488**	**752.432.488**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Trong năm		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**41.582.227.045**	**41.582.227.045**	**86.216.187.590**	**(107.631.801.179)**	**21.415.613.589**	**21.415.613.589**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	-	-	86.216.187.590	(107.631.801.179)	21.415.613.589	21.415.613.589
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (i)	41.582.227.045	41.582.227.045	87.295.259.905	(45.713.032.860)	-	-
Dư nợ tín dụng	**1.339.697.972**	**1.339.697.972**	**73.783.584.528**	**(75.546.593.356)**	**3.102.706.800**	**3.102.706.800**
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	424.496.665	424.496.665	53.597.969.789	(55.640.053.768)	2.466.580.644	2.466.580.644
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- CN Nam Đồng (iii)	318.089.255	318.089.255	848.089.255	(530.000.000)	-	-
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iv)	597.112.052	597.112.052	19.337.525.484	(19.376.539.588)	636.126.156	636.126.156
Tổng	**42.921.925.017**	**42.921.925.017**	**159.999.772.118**	**(183.178.394.535)**	**24.518.320.389**	**24.518.320.389**

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐCTD/23071 ngày 05/7/2023, giới hạn cấp tín dụng là 70 tỷ đồng *(hạn mức thẻ tín dụng là 15 tỷ đồng)*, thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (từ 05/07/2023 đến 04/07/2024). Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước có thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất từ 4,6% - 5,3%. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của bên thứ ba.

(ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 15.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam đồng, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho các nhà thầu nước ngoài. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 25,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 1.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng
Số dư đầu năm trước	**198.890.980.000**	**34.940.000**	**-**	**53.608.247.147**	**252.534.167.147**
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	14.914.230.000	-	-	(14.914.230.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	35.403.869.164	35.403.869.164
Tăng khác	-	-	189.516.227	-	189.516.227
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(189.516.227)	-	(189.516.227)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	**213.805.210.000**	**34.940.000**	**-**	**74.097.886.311**	**287.938.036.311**
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.548.171.015	18.548.171.015
Tăng khác	-	-	21.301.576	-	21.301.576
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(21.301.576)	-	(21.301.576)
Số dư cuối năm nay	**213.805.210.000**	**34.940.000**	**-**	**92.646.057.326**	**306.486.207.326**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	59.828.350.000	59.828.350.000
FSN Asia Private Ltd (tên cũ là YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD)	82.859.430.000	85.612.430.000
Các cổ đông khác	71.117.430.000	68.364.430.000
Tổng	**213.805.210.000**	**213.805.210.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2023 (VND)	Năm 2022 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	213.805.210.000	198.890.980.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	14.914.230.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	213.805.210.000	213.805.210.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**21.380.521**	**21.380.521**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**21.380.521**	**21.380.521**
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**21.380.521**	**21.380.521**
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

	31/12/2023	01/01/2023
Tổng số tiền thuê tối thiểu (VND) trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	3.067.208.816	3.405.825.923
Trên 01 năm đến 05 năm	3.592.453.924	3.106.837.833
Tổng	**6.659.662.740**	**6.512.663.756**

Ngoại tệ các loại	**31/12/2023**	**01/01/2023**
Đô la Mỹ (USD)	50.517,00	2.092,43

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	326.187.999.832	459.223.370.910
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	-
Tổng	**326.187.999.832**	**459.223.370.910**
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)	**25.697.678.811**	**27.188.737.150**

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	280.595.483.051	395.061.560.150
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	-
Tổng	**280.595.483.051**	**395.061.560.150**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	12.429.506.662	20.957.415.477
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	189.516.227
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	192.758.160	559.178.178
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.082.171.664	-
Tổng	**14.704.436.486**	**21.706.109.882**

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	3.690.094.796	9.144.612.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	398.526.457	385.414.286
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	35.328.813	2.684.777.408
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng	**4.123.950.066**	**12.214.803.864**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.536.958.330	5.158.319.144
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.067.889	42.243.205
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.356.225.753	1.451.657.883
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Thuế, phí và lệ phí	160.871.717	147.627.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.947.189.452	5.458.659.136
Chi phí khác bằng tiền	1.323.507.584	874.781.764
Tổng	**15.376.820.725**	**13.133.288.284**
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	16.399.876.372	13.733.139.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.956.631	248.268.931
Chi phí khác bằng tiền	256.883.511	231.336.408
Tổng	**17.022.716.514**	**14.212.744.695**

6.7 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác	**214.716.526**	**10.461.887**
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	-
- Xử lý số dư công nợ	164.734	1.767.951
- Các khoản khác	214.551.792	8.693.936
Chi phí khác	**1.145.583.237**	**1.809.715.145**
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	207.223.904
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	528.846.003	515.046.329
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	228.000.000
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	342.842.000	694.974.400
- Tiền phạt thuế	543.694	162.777.321
- Các khoản khác	273.351.540	1.693.191
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	**(930.866.711)**	**(1.799.253.258)**

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.067.889	42.243.205
Chi phí nhân công	31.278.387.721	24.313.972.413
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.885.071.756	1.966.704.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.392.801.681	463.661.650.581
Chi phí khác bằng tiền	4.915.537.246	3.216.550.855
Tổng	**313.523.866.293**	**493.201.121.266**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	**22.842.599.251**	**44.507.830.541**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	**(1.370.458.069)**	**411.781.196**
Chi phí không được trừ	780.350.642	1.028.274.148
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(68.637.047)	(46.639.343)
Thu nhập không chịu thuế (do đã tính vào năm trước)	-	(569.853.610)
Cổ tức nhận được của công ty con	(2.082.171.664)	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	**21.472.141.182**	**44.919.611.736**
Thu nhập tính thuế TNDN	**21.472.141.182**	**44.919.611.736**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	120.039.030
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.294.428.236	9.103.961.377
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.294.428.236**	**9.103.961.377**

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
Các giao dịch phi tiền tệ khác		
+ Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	*2.918.160.000*

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m^2 văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m^2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m^2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m^2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 28/07/2023.
- Tiền thuê 80,24 m^2 văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022.
- Tiền thuê 108 m^2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/08/2023.
- Tiền thuê 145,45 m^2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 27.670.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/12/2020. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/12/2023.

Cam kết vốn

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2023, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

8.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty PT CleverAds	Công ty con
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con
Công ty CP Orion Media	Công ty con
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTECH	Công ty con
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Công ty con
Công ty CP CMetric	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Công ty con
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con
Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Công ty con
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN (*)	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty FSN Asia Private Ltd	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

(*): Công ty cổ phần TECHCEN đã có thông báo giải thể từ ngày 25/08/2023 gửi Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền lương và phụ cấp	3.515.625.899	3.578.382.434
Tổng	**3.515.625.899**	**3.578.382.434**

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch	774.000.000	676.354.800
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	527.982.979	483.803.195
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên	502.790.698	478.355.070
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (đã miễn nhiệm)	360.000.000	522.357.088
Ông Trần Đông Âu	Thành viên	-	-
Ông Lee SangSeok	Thành viên	-	-
Ông Cho Chang Huyn	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	-
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	-
Ông Trần Anh Nam	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên	-	-
Tổng		**2.164.773.677**	**2.160.870.153**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc (đã miễn nhiệm)	410.000.000	659.831.081
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	301.950.000	315.480.000
Bà Nguyễn Thị Hồi	Kế toán trưởng (đã miễn nhiệm)	-	442.201.200
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	638.902.222	-
Tổng		**1.350.852.222**	**1.417.512.281**

b. Giao dịch với bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng				
Công ty PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	6.826.718.256	2.671.576.400
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	4.722.580.014	8.681.976.777
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	10.077.177	587.111.738
Công ty CP CMetric	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	1.185.494.523
CleverAds Philippines Corporation	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	8.605.941.978	5.266.139.630
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.604.848.500	137.301.223
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	2.526.388.132	2.938.368.254
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.399.666.577	3.996.523.315
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.458.177	230.969.246
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	1.493.276.044
Tổng			**25.697.678.811**	**27.188.737.150**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Mua dịch vụ	2.060.464.638	2.861.163.318
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Mua dịch vụ	-	53.775.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Mua biệt thự	29.213.879.040	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mua biệt thự	29.213.879.040	-

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phải thu khác				
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Chuyển nhượng trái phiếu	-	20.900.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng TH dự án	-	3.800.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	Tạm ứng TH dự án	-	2.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		**11.162.785.822**	**7.027.249.242**
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	34.401.599	-
Công ty CP Orion Media	Công ty con	2.722.800	-
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	731.090.932	137.470.754
CleverAds Philippines Corporation	Công ty con	2.840.814.626	2.840.814.626
Công ty PT CleverAds	Công ty con	6.560.523.711	3.108.440.488
Công ty CP CMETRIC	Công ty con	468.903.154	656.464.416
Công ty CP AGLOBAL	Công ty con	74.268.000	8.776.409
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	450.061.000	164.426.989
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	-	110.855.560
Khách hàng trả tiền trước		**63.350.865**	-
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	63.350.865	-
Phải trả người bán		-	**564.674.111**
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	-	564.674.111
Phải thu khác		-	**27.200.000.000**
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	-	24.700.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	-	2.500.000.000

8.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

8.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGUYỄN THỊ NGA	NGUYỄN THỊ NGA	ĐOÀN NỮ ĐỨC HIỀN